ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 58 /2026/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 120 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung một số điều tại Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 95/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 07/2020/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 5436/TTr-SGDĐT ngày 05 tháng 6 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 571/BC-STP ngày 19 tháng 01 năm 2026;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 120 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 120 nghề trình độ sơ cấp được áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng: các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật

Ban hành kèm theo Quyết định này định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 120 nghề trình độ sơ cấp ở các nhóm nghề *(danh mục chi tiết đính kèm)*, cụ thể:

1. Nhóm nghề Lái xe - Vận hành: 09 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục I đến Phụ lục IX đính kèm)*;

2. Nhóm nghề Cơ khí - Sửa chữa động cơ: 15 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục X đến Phụ lục XXIV đính kèm)*;

3. Nhóm nghề Điện - Điện tử - Điện lạnh: 14 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục XXV đến Phụ lục XXXVIII đính kèm)*;

4. Nhóm nghề Công nghệ thông tin: 13 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục XXXIX đến Phụ lục LI đính kèm)*;

5. Nhóm nghề Dịch vụ thẩm mỹ: 12 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục LII đến Phụ lục LXIII đính kèm)*;

6. Nhóm nghề Ngôn ngữ nước ngoài: 08 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục LXIV đến Phụ lục LXXI đính kèm)*;

7. Nhóm nghề Kinh doanh - Tài chính - Kế toán Quản lý: 14 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục LXXII đến Phụ lục LXXXV đính kèm)*;

8. Nhóm nghề Du lịch - Khách sạn - Nhà hàng: 20 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục LXXXVI đến Phụ lục CV đính kèm)*;

9. Nhóm nghề Kiến trúc - Xây dựng: 06 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục CVI đến Phụ lục CXI đính kèm)*;

10. Nhóm nghề Khác: 09 nghề *(Chi tiết từ Phụ lục CXII đến Phụ lục CXX đính kèm)*.

Điều 3. **Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày *10* tháng *8* năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 4721/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 60 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Bộ định mức kinh tế - kỹ thuật đối với 60 nghề trình độ sơ cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

c) Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số nghề trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

d) Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật trình độ trung cấp và cao đẳng cho các nghề: Công nghệ ô tô; Chế tạo thiết bị cơ khí; May thời trang; Chế biến thực phẩm; Công nghệ thông tin; Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính; Điện tử công nghiệp; Hàn; Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp; Quản trị nhà hàng; Quản trị khách sạn;

đ) Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và dưới 03 tháng cho 10 nghề áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

e) Quyết định số 1226/QĐ-UBND ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành 12 định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp cho các nghề: Quản trị mạng máy tính; Vẽ và thiết kế trên máy tính; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Kỹ thuật chế biến món ăn; Điện công nghiệp; Thiết kế đồ họa áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

g) Quyết định số 06/2024/QĐ-UBND ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc Ban hành 07 định mức kinh tế - kỹ thuật cho các nghề về đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

h) Quyết định số 37/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đào tạo áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

i) Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo cho 20 ngành, nghề trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng thuộc lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 4;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Sở Tư pháp; Sở Tài chính, Sở Nội vụ;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VPUB: các PCVP;
- Các Phòng CV;
- Lưu: VT, VX-HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CHI TIẾT
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT CỦA 120 NGHỀ TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP ÁP DỤNG TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 58 /2026/QĐ-UBND)

TT	Phụ lục	Nhóm nghề	Tên nghề
1.	Phụ lục I	Lái xe - Vận hành	Đào tạo để sát hạch cấp phép lái xe hạng B
2.	Phụ lục II		Đào tạo để sát hạch cấp phép lái xe hạng C, C1
3.	Phụ lục III		Vận hành xe nâng hàng
4.	Phụ lục IV		Vận hành thiết bị nâng
5.	Phụ lục V		Vận hành cần trục
6.	Phụ lục VI		Vận hành máy công trình
7.	Phụ lục VII		Vận hành bình chịu áp lực
8.	Phụ lục VIII		Vận hành nồi hơi
9.	Phụ lục IX		Vận hành máy CNC
10.	Phụ lục X	Cơ khí - Sửa chữa động cơ	Hàn công nghệ cao
11.	Phụ lục XI		Hàn hơi
12.	Phụ lục XII		Hàn điện
13.	Phụ lục XIII		Tiện căn bản
14.	Phụ lục XIV		Tiện nâng cao
15.	Phụ lục XV		Phay căn bản
16.	Phụ lục XVI		Phay nâng cao
17.	Phụ lục XVII		Sửa chữa điện - điện lạnh ô tô
18.	Phụ lục XVIII		Kỹ thuật sơn ô tô căn bản
19.	Phụ lục XIX		Kỹ thuật sơn ô tô nâng cao
20.	Phụ lục XX		Sửa chữa ô tô động cơ dầu
21.	Phụ lục XXI		Sửa chữa ô tô động cơ xăng
22.	Phụ lục XXII		Sửa chữa xe gắn máy
23.	Phụ lục XXIII		Sửa chữa máy may công nghiệp
24.	Phụ lục XXIV		Sửa chữa máy nông nghiệp

TT	Phụ lục	Nhóm nghề	Tên nghề
25.	Phụ lục XXV	Điện - Điện tử - Điện lạnh	Sửa chữa điện dân dụng
26.	Phụ lục XXVI		Sửa chữa điện công nghiệp
27.	Phụ lục XXVII		Lắp đặt điện nội thất
28.	Phụ lục XXVIII		Điện tử công nghiệp
29.	Phụ lục XXIX		Điện tử dân dụng
30.	Phụ lục XXX		Điện lạnh dân dụng
31.	Phụ lục XXXI		Điện lạnh công nghiệp
32.	Phụ lục XXXII		Sửa chữa Tivi
33.	Phụ lục XXXIII		Sửa chữa thiết bị âm thanh
34.	Phụ lục XXXIV		Sửa chữa CD-VCD-DVD
35.	Phụ lục XXXV		Sửa chữa điện thoại di động cơ bản
36.	Phụ lục XXXVI		Sửa chữa điện thoại di động nâng cao
37.	Phụ lục XXXVII		Sửa chữa monitor máy tính
38.	Phụ lục XXXVIII		Sửa chữa điện cơ
39.	Phụ lục XXXIX	Công nghệ thông tin	Tin học văn phòng căn bản
40.	Phụ lục XL		Tin học văn phòng nâng cao
41.	Phụ lục XLI		Tin học kế toán
42.	Phụ lục XLII		Thiết kế website
43.	Phụ lục XLIII		Thiết kế đồ họa
44.	Phụ lục XLIV		Quản trị mạng máy tính
45.	Phụ lục XLV		Quản trị mạng CISCO
46.	Phụ lục XLVI		Kỹ thuật lập trình cơ bản
47.	Phụ lục XLVII		Kỹ thuật lập trình nâng cao
48.	Phụ lục XLVIII		Kỹ thuật phần cứng máy tính
49.	Phụ lục XLIX		Sửa chữa laptop căn bản
50.	Phụ lục L		Sửa chữa laptop nâng cao
51.	Phụ lục LI		Kỹ thuật lắp ráp và sửa chữa máy tính
52.	Phụ lục LII	Dịch vụ thẩm mỹ	Cắt uốn tóc nữ
53.	Phụ lục LIII		Cắt uốn tóc nam
54.	Phụ lục LIV		Cắt uốn tóc nam nữ
55.	Phụ lục LV		Chăm sóc da
56.	Phụ lục LVI		Chăm sóc da mặt
57.	Phụ lục LVII		Phun, xăm, thêu trên da không sử dụng thuốc gây tê dạng tiêm
58.	Phụ lục LVIII		Thiết kế tạo mẫu tóc
59.	Phụ lục LIX		Chăm sóc và tạo mẫu móng
60.	Phụ lục LX		Kỹ thuật làm móng
61.	Phụ lục LXI		Kỹ thuật nối mi
62.	Phụ lục LXII		Trang điểm thẩm mỹ
63.	Phụ lục LXIII		Quản lý Spa

TT	Phụ lục	Nhóm nghề	Tên nghề
64.	Phụ lục LXIV	Ngôn ngữ nước ngoài	Tiếng Anh chuyên ngành nhà hàng - khách sạn
65.	Phụ lục LXV		Tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin
66.	Phụ lục LXVI		Tiếng Anh thương mại
67.	Phụ lục LXVII		Tiếng Anh giao tiếp trong văn phòng
68.	Phụ lục LXVIII		Tiếng Nhật dành cho đối tượng xuất khẩu lao động
69.	Phụ lục LXIX		Tiếng Nhật giao tiếp trong văn phòng
70.	Phụ lục LXX		Tiếng Hàn dành cho đối tượng xuất khẩu lao động
71.	Phụ lục LXXI		Tiếng Hàn giao tiếp văn phòng
72.	Phụ lục LXXII	Kinh doanh - Tài chính - Kế toán Quản lý	Marketing thương mại
73.	Phụ lục LXXIII		Kinh doanh xuất nhập khẩu
74.	Phụ lục LXXIV		Tiếp thị số
75.	Phụ lục LXXV		Tài chính ngân hàng
76.	Phụ lục LXXVI		Nghiệp vụ thư ký văn phòng
77.	Phụ lục LXXVII		Nghiệp vụ văn thư lưu trữ
78.	Phụ lục LXXVIII		Kế toán doanh nghiệp
79.	Phụ lục LXXIX		Kế toán tổng hợp
80.	Phụ lục LXXX		Kế toán thực hành
81.	Phụ lục LXXXI		Nghiệp vụ kế toán ngân hàng
82.	Phụ lục LXXXII		Nghiệp vụ kế toán và khai báo thuế
83.	Phụ lục LXXXIII		Quản lý doanh nghiệp
84.	Phụ lục LXXXIV		Quản lý doanh nghiệp vừa và nhỏ
85.	Phụ lục LXXXV		Nghiệp vụ bán hàng
86.	Phụ lục LXXXVI	Du lịch - Khách sạn - Nhà hàng	Kỹ thuật làm bánh căn bản
87.	Phụ lục LXXXVII		Kỹ thuật làm bánh nâng cao
88.	Phụ lục LXXXVIII		Kỹ thuật chế biến món ăn Á
89.	Phụ lục LXXXIX		Kỹ thuật chế biến món ăn Âu
90.	Phụ lục XC		Kỹ thuật chế biến món ăn Việt Nam
91.	Phụ lục XCI		Kỹ thuật trang trí bánh kem
92.	Phụ lục XCII		Kỹ thuật pha chế và phục vụ đồ uống
93.	Phụ lục XCIII		Nghiệp vụ bar
94.	Phụ lục XCIV		Nghiệp vụ bar trưởng
95.	Phụ lục XCV		Nghiệp vụ bếp Á
96.	Phụ lục XCVI		Nghiệp vụ bếp Âu
97.	Phụ lục XCVII		Nghiệp vụ bếp trưởng

TT	Phụ lục	Nhóm nghề	Tên nghề
98.	Phụ lục XCVIII		Nghiệp vụ buồng khách sạn
99.	Phụ lục XCIX		Nghiệp vụ lễ tân
100.	Phụ lục C		Nghiệp vụ quản lý ẩm thực nhà hàng
101.	Phụ lục CI		Quản lý bar
102.	Phụ lục CII		Quản lý nhà hàng
103.	Phụ lục CIII		Quản lý khách sạn
104.	Phụ lục CIV		Nghiệp vụ điều hành tour du lịch
105.	Phụ lục CV		Dịch vụ du lịch
106.	Phụ lục CVI	Kiến trúc - Xây dựng	Kỹ thuật xây dựng
107.	Phụ lục CVII		Họa viên kiến trúc
108.	Phụ lục CVIII		Thiết kế nội thất
109.	Phụ lục CIX		Quản lý tòa nhà
110.	Phụ lục CX		Vệ sinh công nghiệp
111.	Phụ lục CXI		Kỹ thuật lắp dựng giàn giáo
112.	Phụ lục CXII	Khác	Nghiệp vụ bảo vệ
113.	Phụ lục CXIII		Bán hàng trong siêu thị
114.	Phụ lục CXIV		Chế tác nữ trang
115.	Phụ lục CXV		May dân dụng
116.	Phụ lục CXVI		May công nghiệp
117.	Phụ lục CXVII		Kỹ thuật sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao
118.	Phụ lục CXVIII		Kỹ thuật tạo dáng bonsai và chăm sóc bonsai ứng dụng công nghệ cao
119.	Phụ lục CXIX		Kỹ thuật trồng và vi nhân giống hoa ứng dụng công nghệ cao
120.	Phụ lục CXX		Chăm sóc người bệnh tại nhà